

Số: 225 /SGD&ĐT-KHTC
V/v Cung cấp số liệu học sinh Mầm
non thuộc diện được hỗ trợ chi phí
học tập, tiền ăn trưa.

Hòa Bình, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kính gửi: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 696/BGDĐT-KHTC ngày 16/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị cung cấp số liệu học sinh Mầm non thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa;

Để có số liệu xây dựng kế hoạch cấp và phân bổ ngân sách phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi giai đoạn 2011 – 2015 báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 có cha, mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật khó khăn về kinh tế, trẻ em mẫu giáo thuộc hộ nghèo. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố chỉ đạo thống kê số liệu học sinh mầm non và học sinh Mầm non 5 tuổi thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa theo biểu mẫu kèm theo.

Do số liệu liên quan đến kế hoạch tài chính cấp về ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho học sinh thuộc diện được hỗ trợ. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị cần báo cáo số liệu chính xác, kịp thời và đúng thông tin theo quy định. Nội dung gửi qua đường email trước ngày 24/02/2011 và gửi báo cáo bằng văn bản theo đường công văn.

Nơi nhận: Phạm Văn Kiên

Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình.

ĐT: 0989.358289

Hoặc qua email: pvkien@hoabinh.edu.vn và p.khtc@hoabinh.edu.vn *pv*

Nơi nhận :

- Như trên;
- Giám đốc;
- Các Phó Giám đốc;
- Phòng GDMN (phối hợp);
- Lưu VT, KHTC (K.15)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Tiêu chí	Số học sinh mẫu giáo 5 tuổi (QĐ 239/QĐ-TTg)	Số trẻ em học mẫu giáo (NĐ 49/NĐ-CP)
1	2	3	4
	Tổng số	0	0
	<i>Trong đó học sinh thuộc diện</i>		
1	Có Cha, mẹ thường trú các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có ĐKKT-XH đặc biệt khó khăn		
2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế		
3	Thuộc hộ nghèo		

Ghi chú:

- Số học sinh theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 là những học sinh mẫu giáo 5 tuổi thuộc diện mục 1; 2; 3 ở biểu trên
- Số học sinh theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 là toàn bộ học sinh Mẫu giáo thuộc diện mục 1; 2; 3 ở biểu trên

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu)